

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/DS-ST
Ngày: 23-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-DS ngày 26/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Ngô Viết N, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố a, phường a1, thị xã a2, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Dương Xuân T, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố b1, phường b2, thị xã b3, tỉnh B, vắng mặt.

2.2 Bà Hà Thị Thu H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 239E/1, khu phố 1A, phường An Phú, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết từ lâu nên ngày 04/01/2016, ông N có cho vợ chồng ông Dương Xuân T và bà Hà Thị Thu H vay số tiền 3.950.000.000 đồng với thời hạn 36 tháng, lãi suất 3%/tháng, hai bên có lập “hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2016”. Ông N đã giao trực tiếp đủ số tiền trên cho ông T và bà H trong ngày 04/01/2016.

Theo thỏa thuận, đến ngày 04/01/2019 ông T và bà H phải trả lại tiền gốc nhưng khi đến hạn, ông T và bà H không trả tiền theo đúng thỏa thuận. Do quen biết từ lâu nên khi ông T và bà H xin gia hạn trả tiền thì ông N có cho thêm thời gian nhưng ông T và bà H vẫn không trả tiền đúng hạn. Do đó, ông N khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông Dương Xuân T và bà Hà Thị Thu H trả số tiền 3.950.000.000 đồng đã vay của ông Ngô Viết N theo Hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2016.

Buộc ông Dương Xuân T và bà Hà Thị Thu H thanh toán số tiền lãi tính trên số tiền 3.950.000.000 đồng từ ngày 04/10/2019 đến ngày 04/12/2019 tương đương số tiền 65.570.000 đồng. Ông N không yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền gốc từ sau ngày 04/12/2019.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi ông Ngô Viết N yêu cầu ông Dương Xuân T và bà Hà Thị Thu H trả đến thời điểm khởi kiện là 4.015.570.000 đồng.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản chứng thực CMND, sổ hộ khẩu nguyên đơn; bản photo CMND của bị đơn; bản photo hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2016.

- *Theo bản tự khai của ông Dương Xuân T trình bày:* Ngày 04/01/2016 ông Dương Xuân T và vợ của ông T là bà Hà Thị Thu H có vay của ông Ngô Viết N số tiền 3.950.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2016. Trong cùng ngày, ông T và bà H đã nhận đủ số tiền nêu trên.

Theo hợp đồng thì thời hạn vay là 36 tháng và lãi suất 3%/tháng nhưng thực tế thì lãi suất có thay đổi tùy thời gian và ông T không nhớ rõ lãi suất cố định.

Nay ông N yêu cầu ông T và bà H trả tiền vay thì ông T đồng ý trả tuy nhiên do điều kiện kinh tế đang khó khăn nên xin nguyên đơn được trả dần theo từng tháng.

Từ sau khi cung cấp bản tự khai cho Tòa án thì mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia tố tụng nhưng ông Dương Xuân T vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu.

- Bị đơn bà Hà Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia các giai đoạn tố tụng cũng như việc cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng bị đơn vẫn không đến làm việc, không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Dương Xuân T và bà Hà Thị Thu H liên đới trả cho ông N số tiền nợ gốc là 3.950.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc từ ngày 04/10/2019 đến ngày 04/12/2019 tương đương số tiền 65.570.000 đồng. Ông N không yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền gốc từ sau ngày 04/12/2019.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khác phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông Ngô Viết N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Xuân T và bà Hà Thị Thu H liên đới thanh toán số tiền nợ vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2016 được xác lập giữa ông N với ông Dương Xuân T và bà Hà Thị Thu H nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Khoản 3, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015)

[1.2] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng vay tiền được ký kết vào ngày 04/01/2016 (trước thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật) và thực hiện hợp đồng trong thời gian Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên, hợp đồng vay tiền có nội dung thỏa thuận về phần lãi suất không phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 nên sẽ áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Hà Thị Thu H có địa chỉ cư trú tại phường An Phú, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điều 36 và Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Điểm h, Khoản 1, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại các Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và xem như bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo nội dung Hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2016 thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 3.950.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 04/01/2019, bị đơn cũng đã ký tên, ghi họ tên và xác nhận đã nhận đủ số tiền vay. Tuy nhiên, hết thời hạn vay, bị đơn không trả lại tiền vay là vi phạm nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền gốc 3.950.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Theo quy định tại Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tại Hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2016 thể hiện lãi suất các bên thỏa thuận là 3%/tháng. Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 0.83%/tháng. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 04/01/2016, ngày 04/01/2019 là thời hạn mà phía bị đơn phải trả tiền gốc cho nguyên đơn nhưng đến thời điểm xét xử bị đơn vẫn chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho nguyên đơn nên thời hạn chậm trả tiền tính từ ngày 05/01/2019. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền lãi chậm trả từ ngày 04/10/2019 đến ngày 04/12/2019 với số tiền 65.570.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi chậm trả từ sau ngày 04/12/2019 đến ngày vụ án được đưa ra xét xử, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Viết N đối với bị đơn ông Dương Xuân T và bà Hà Thị Thu H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, buộc, buộc bị đơn ông Dương Xuân T và bà Hà Thị Thu H liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 3.950.000.000 đồng và 65.570.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 4.015.570.000 đồng.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3, Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điểm h, Khoản 1, Điều 40; Điều 147; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Các Điều 305, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005;
- Các Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Viết N về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với bị đơn ông Dương Xuân T và bà Hà Thị Thu H.

Buộc ông Dương Xuân T và bà Hà Thị Thu H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Ngô Viết N số tiền 4.015.570.000 đồng (bốn tỷ không trăm mười lăm triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó gồm 3.950.000.000 đồng tiền gốc và 65.570.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Dương Xuân T và bà Hà Thị Thu H phải liên đới chịu 112.015.570 đồng (một trăm mười hai triệu không trăm mười lăm nghìn năm trăm bảy mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Ngô Viết N số tiền 56.155.700 đồng (năm mươi sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0046231 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tố Uyên